

Số: /2025/QĐ-CTUBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản
công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH155;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày ... tháng 12 năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm:

a) Giao tài sản bằng hiện vật; thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

b) Khai thác tài sản công; phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

c) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Các nội dung không được phân cấp tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH155; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai, gồm:

a) Cơ quan Nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định giao tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định giao tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định giao tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công (trừ tài sản công của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển; bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển; bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định này

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và tài sản tại cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc và trực thuộc cấp tỉnh.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng (trừ tài sản quy định tại khoản 1 điều này).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ tài sản công của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là xe ô tô trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, thẩm quyền quyết định bán tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (trừ tài sản công của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và điểm c Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ tài sản công của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thẩm quyền quyết định phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 3, 7, 8, 9, 10, 11 Quyết định này.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

Các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã phê duyệt, không phải trình phê duyệt lại.

Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định và đảm bảo theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan. **Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.**

3. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp và thực hiện công khai theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL&XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử, Công báo tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH